

QUAN ĐIỂM CÓ TÍNH KHẢ THI ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH ĐỒNG TIỀN CHUNG ĐÔNG Á

DƯƠNG MINH TUẤN*

Trong những năm gần đây, với tác động mạnh mẽ của quá trình quốc tế hoá, khu vực hoá gắn liền với sự hình thành trật tự quan hệ kinh tế quốc tế mới, sự ra đời của đồng euro, sự khiêm khuyết vai trò cấp khu vực của các tổ chức tài chính quốc tế, đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ Đông Á đã và đang làm gia tăng một cách mạnh mẽ tính tất yếu của việc hình thành đồng tiền chung Đông Á như là nhân tố căn bản cho sự phát triển ổn định và việc tăng cường quan hệ hợp tác bền vững và chặt chẽ giữa các nước trong khu vực. Do đó, sự hình thành đồng tiền chung Đông Á đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với việc nghiên cứu cũng như hình thành chính sách tài chính – tiền tệ và sự phối hợp các chính sách đó trong phạm vi từng nước cũng như trong khu vực. Với ý nghĩa trên, bài viết này chủ yếu sẽ làm rõ những vấn đề như tính tất yếu của sự hình thành đồng tiền chung Đông Á, vai trò của một số đồng tiền chủ chốt Đông Á như những “neo” tiền tệ đối với sự hình thành đồng tiền trên cũng như với sự phát triển kinh tế ổn định của các nước trong khu vực.

I. TÍNH TẤT YẾU CỦA SỰ HÌNH THÀNH ĐỒNG TIỀN CHUNG ĐÔNG Á

1. Khủng hoảng tài chính – tiền tệ Đông Á

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Á cuối năm 1997 đầu năm 1998 bộc phát là do những nguyên nhân khác nhau trong các lĩnh vực đời sống kinh tế – xã hội, trong hệ

thống tài chính- tiền tệ của một nước cũng như trong khu vực quy định. Nhưng một trong những nguyên nhân chủ yếu của cuộc khủng hoảng này là do tính bất ổn định và sự đột biến về giá (overshooting) là những đặc trưng chủ yếu của chế độ tỉ giá thả nổi. Đó chính là tỷ giá hối đoái giữa các đồng tiền Đông Á với đồng đô la Mỹ. Những thay đổi trong tỷ giá này đã dẫn đến những biến động về nguồn vốn rất lớn và nhanh chóng. Theo như báo cáo của IMF năm 1998, trong năm 1996 dòng chảy vào của vốn ở 5 nước như: Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Philippin là 40 tỷ đô la Mỹ nhưng đến năm 1997 số đó đã chuyển hoá thành dòng chảy ra của vốn là 30 tỷ đô la Mỹ⁽¹⁾. Do đó, trước và sau khi xảy ra khủng hoảng tài chính vừa qua các nước Đông Á đã phải trải qua những chấn động lớn của các luồng vốn luân chuyển này.

Chính cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á trên đã buộc các nước này phải xem xét lại và khắc phục những nhược điểm của hệ thống tài chính – tiền tệ và sự điều hành chính sách, thể chế trong lĩnh vực này, đặc biệt là hệ thống tỷ giá hối đoái dựa trên việc xác định đồng đô la Mỹ là đồng tiền chủ yếu, xem nó như một “neo” tiền tệ chủ chốt trong các giao dịch thương mại và tài chính đồng thời cũng đặt ra sự cần thiết hình thành một khu vực tiền tệ và hệ thống tỷ giá mới góp phần vào sự

⁽¹⁾ IMF – thị trường vốn quốc tế. Sự phát triển, triển vọng và những chính sách chủ yếu: khảo sát kinh tế và tài chính quốc tế, 1998.

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

tăng trưởng kinh tế ổn định của từng nước cũng như trong toàn bộ khu vực bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

2. Việc phát hành và sử dụng đồng euro

Việc đưa vào lưu hành đồng euro đầu năm 1999 đã trở thành sự thách thức đầu tiên đối với đồng đô la như là đồng tiền cơ bản trên toàn thế giới.

Quy mô và trình độ phát triển kinh tế của các nước Tây Âu có thể so sánh được với Mỹ, một trong những biểu hiện đó là thị phần lớn của thị trường vốn của các nước này so với thị trường vốn trên toàn thế giới, các nước Tây Âu cũng có quan hệ mật thiết với các khu vực khác như Đông, Trung Âu và Châu Phi. Với những ưu thế trên, đồng euro sẽ trở thành đồng tiền chủ yếu thứ 2 ngang hàng với đồng đô la trong một tương lai gần đây. Sự nổi lên của đồng euro có thể sẽ làm suy giảm sự thống trị của đồng đô la như là đồng tiền chủ yếu duy nhất và thúc đẩy sự hình thành một hệ thống tiền tệ quốc tế cũng như khu vực tiền tệ mới như ở Đông Á. Nếu như các nước Đông Á không phát huy xu thế trên trong bối cảnh toàn cầu hoá và cạnh tranh có tính toàn cầu như hiện nay thì các nước này sẽ mất đi lợi thế cạnh tranh với Mỹ và Tây Âu đã dùng đồng tiền quốc gia và đồng tiền chung trong giao dịch quốc tế và các nước này cũng sẽ khó tránh khỏi những rủi ro trong giao dịch tài chính như đã từng xảy ra trong cuối những năm 1990.

3. Vai trò của tổ chức tài chính quốc tế (IMF)

Các quyết định của IMF nhằm vực dậy nền kinh tế đã đổ vỡ cũng như các hình thức và mức độ của các điều kiện được áp dụng phần lớn đều mang tính chính trị, thường căn

cứ vào những mục tiêu an ninh chiến lược của các nước thành viên quan trọng nhất.

Hơn thế nữa, bên cạnh các vấn đề có tính chiến lược trên, IMF cũng thể hiện tính bất tương xứng của một tổ chức tài chính hàng đầu thế giới trong việc đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính ở quy mô có tính khu vực trong cuối thập kỷ qua. Các nỗ lực cải cách cơ cấu tài chính quốc tế của IMF đối với các nước Đông Á nhằm phục hồi kinh tế các nước này đều tỏ ra không thích ứng hoặc bị “hụt hơi”. Các tổ chức đa phương như IMF sở dĩ chú trọng đến việc đưa ra những dự án cải cách là vì cuộc khủng hoảng kinh tế – tài chính đó mang tính toàn cầu hoặc có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm hữu ích ở cấp độ đó trong khi đó khủng hoảng tài chính Đông Á giới hạn trong phạm vi khu vực và được xem như là một trường hợp cụ thể, chưa đạt đến mức độ chung hơn của cơ cấu tài chính quốc tế. Vai trò trên của các tổ chức tài chính quốc tế đa phương dưới sự chi phối của Mỹ như IMF đã đặt ra tính cấp thiết đối với các nước Đông Á trong việc hình thành một khu vực tiền tệ chung hoạt động theo cơ chế tự thực hiện và tự bảo vệ nhằm đối phó được với những cuộc khủng hoảng có thể xảy ra trong tương lai.

II. NỘI DUNG CỦA XU HƯỚNG HÌNH THÀNH ĐỒNG TIỀN CHUNG ĐÔNG Á

1. Quan điểm chủ yếu về đồng tiền chung Đông Á

Căn cứ vào những tiêu thức căn bản của đồng tiền quốc tế như là một đơn vị tiền tệ kế toán, phương tiện thanh toán, phương tiện tích trữ cũng như là đồng tiền có khả năng

can thiệp vào thị trường hối đoái, có thể nêu quan điểm chủ yếu, có tính khả thi về đồng tiền chung Đông Á là:

1. Hình thành một “rổ tiền tệ” với sự tham gia của đồng tiền chủ yếu trong khu vực như đồng yên Nhật, won Nam Triều Tiên, và đồng Nhân dân tệ Trung Quốc...

2. Về mặt kỹ thuật, tỷ trọng của từng loại tiền tệ trong “rổ tiền tệ” sẽ được quyết định bởi cuộc họp của các bộ trưởng tài chính các nước Đông Á

3. Đồng tiền chung Đông Á được hình thành trước hết với chức năng là đơn vị tiền tệ kế toán của một đồng tiền quốc tế đã nêu trên.

4. Việc hình thành và sử dụng đồng tiền này sẽ không can thiệp vào chủ quyền của các nước tham gia trong lĩnh vực chính sách tiền tệ.

Đông Á có sự phát triển kinh tế nhanh và năng động nhưng trình độ phát triển giữa các nước lại rất không đồng đều. Do vậy, việc hình thành một đồng tiền đơn nhất như của EC là không thích hợp. Vai trò chủ yếu của đồng tiền chung Đông Á là nhằm giảm bớt những rủi ro, mạo hiểm về hối đoái đồng thời đảm bảo được tính tự chủ trong việc soạn thảo và thực hiện chính sách tiền tệ của từng nước, từng bước hướng đến sự phối hợp với mức độ cao hơn trong hợp tác tài chính tiền tệ trong khu vực.

2. Việc lựa chọn các đồng tiền tham gia vào đồng tiền chung Đông Á

Cụ thể hoá quan điểm như đã trình bày trên, sự hình thành đồng tiền chung đó dựa trên việc xác lập “rổ tiền tệ” với sự tham gia của các đồng tiền chủ yếu của Đông Á có thể theo những tỷ trọng nhất định, cụ thể là:

a. Xét theo thị phần của đồng yên

Cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á và những bất ổn tài chính gần đây do sự mất giá của đồng đô la Mỹ đã chứng tỏ hết sức rõ ràng là chính sách tỷ giá truyền thống dựa vào “neo” tiền tệ duy nhất là đồng đô la đã không còn đem lại sự ổn định kinh tế vĩ mô đối với các nước này.

Với việc “neo” đồng tiền của các nước Đông Á và đô la Mỹ, tăng trưởng kinh tế của các nước này đã chịu ảnh hưởng tiêu cực do sự biến động của tỷ giá đồng yên và của các đồng tiền khác trong khu vực với đồng tiền này. Cụ thể như trong trường hợp sự giảm giá của đồng yên so với đồng đô la Mỹ đã ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế các nước Đông Á chủ yếu thông qua các hình thức sau:

+ Chi phí sản xuất tại Nhật Bản có liên quan đến các nước Đông Á sẽ giảm, điều này dẫn đến các doanh nghiệp Nhật Bản tái đầu tư sản xuất vào các nước này giảm. Do vậy sẽ làm giảm dòng chảy của đầu tư trực tiếp từ Nhật Bản vào các nước này.

+ Sự giảm giá của đồng yên so với đồng đô la Mỹ làm cho hàng xuất khẩu của Nhật rẻ hơn một cách tương đối so với cùng hàng hoá xuất khẩu của các nước Đông Á và do vậy các hàng hoá ở các nước này sẽ trở nên kém cạnh tranh hơn so với các hàng hoá của Nhật Bản trên thị trường thế giới.

+ Đồng yên yếu sẽ làm giảm giá cả nhập khẩu ở các nước Đông Á vì các nước này phụ thuộc nhiều vào Nhật Bản như là nguồn cấp vốn và các bán sản phẩm. Giá cả nhập khẩu thấp hơn có nghĩa là giá cả đầu vào thấp hơn và điều đó lại thúc đẩy gia tăng lợi nhuận và sản lượng ở các nước này.

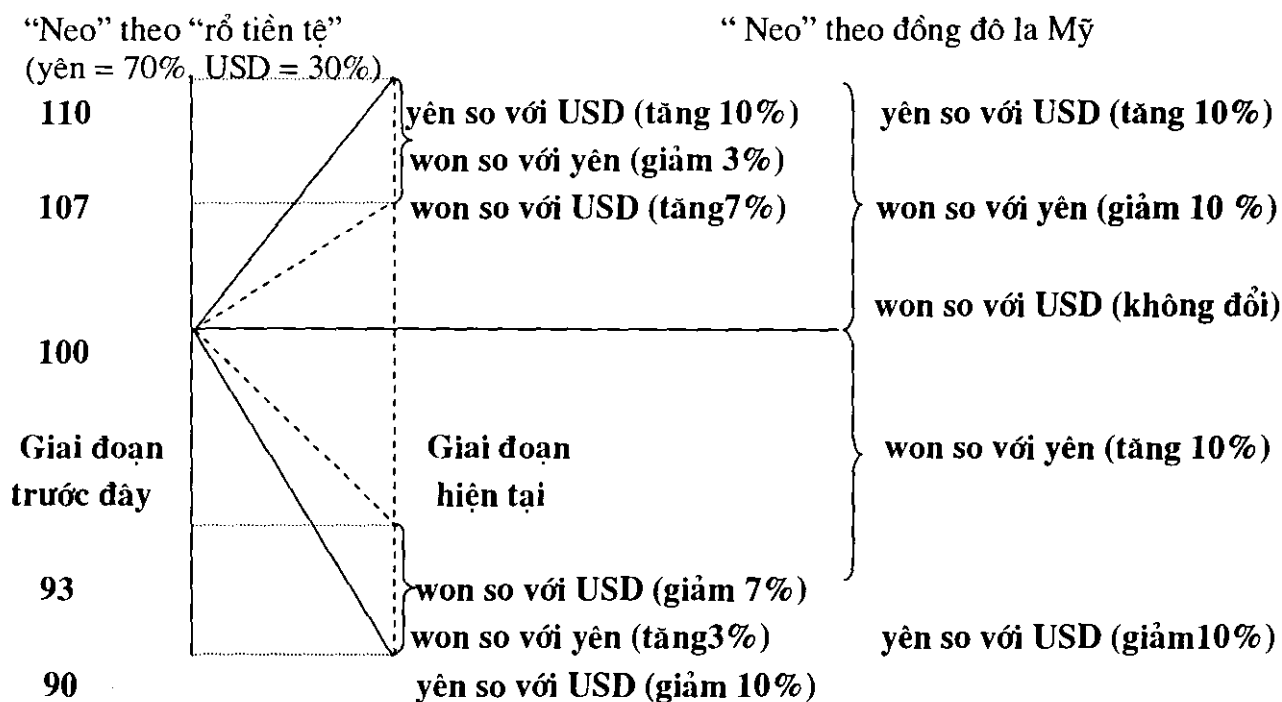
+ Sự giảm giá đồng yên sẽ làm giảm gánh nặng nợ đang phải trả của các nước Đông Á tính theo đồng yên.

Ảnh hưởng của 2 hình thức đầu là tiêu cực đối với sự tăng trưởng kinh tế Đông Á và 2 hình thức sau có ảnh hưởng tích cực với các nước này. Hệ quả của sự tác động này cũng khác biệt đối với từng nước do quy mô, phạm vi của 4 yếu tố trên.

Sự phân tích trên chứng tỏ rằng sự ổn định tỷ giá giữa đồng yên – đô la Mỹ góp phần quan trọng vào sự ổn định nền kinh tế trong khu vực. Tuy nhiên, sự biến động của nó cũng có thể dẫn đến sự vượt quá tầm kiểm soát của các nước đang phát triển Đông Á, thậm chí vượt quá cả sự kiểm soát của các nước công nghiệp phát triển hàng đầu như

Mỹ và Nhật Bản. Do đó, để khắc phục hiện trạng này, các nước trong khu vực phải ổn định tỷ giá không chỉ với đô la Mỹ mà cả với đồng yên. Tuy nhiên, do không thể đồng thời duy trì ổn định cả với đồng đô la Mỹ và đồng yên, nên các nước này chỉ có thể lựa chọn phương án khả thi nhất là hình thành một rổ tiền tệ trong đó đồng yên chiếm tỷ trọng lớn nhất định. Như vậy sẽ dẫn đến sự đồng bộ hoá lớn hơn giữa đồng tiền nước chủ nhà với đồng tiền này. Ví dụ, nếu đồng yên có tỷ trọng 70% trong rổ tham khảo của Hàn Quốc, khi tỷ giá đồng yên so với đô la Mỹ tăng 10% thì tỷ giá đồng won so với đô la Mỹ sẽ tăng 7%.

Hình 1: “Neo” theo rổ tiền tệ và “neo” theo đồng đô la Mỹ



Nguồn: Viện nghiên cứu Nomura

(hình 1). Do đó, tính cạnh tranh hàng xuất khẩu của Hàn Quốc so với hàng của Nhật Bản bị hạn chế nhất định. Khi tỷ giá đồng yên so với đồng đô la Mỹ giảm 10% thì tỷ giá đồng won so với đồng đô la Mỹ sẽ giảm 7% và tổn thất trong cạnh tranh xuất khẩu của Hàn Quốc là cực tiểu. Cũng tương tự như vậy, nếu các nước Đông Á thực hiện chính sách tỷ giá tương tự, thì sự biến động lên xuống của chu kỳ kinh doanh sẽ được điều tiết ở một mức độ khá lớn và sự tác động lớn của tỷ giá đồng yên - đô la Mỹ đối với tăng trưởng của các nước trong khu vực cũng sẽ được hạn chế về cơ bản.

Tỷ trọng tối ưu của đồng yên trong “rổ tiền tệ” đối với từng nước sẽ khác nhau và phụ thuộc lớn vào nước sở tại cạnh tranh ở mức độ nào với Nhật Bản. Đối với những nước có thu nhập cao sẽ có quan hệ cạnh tranh với Nhật Bản lớn hơn so với những nước có thu nhập thấp hơn. Do vậy, Hàn Quốc cần “neo” đồng tiền của mình với đồng yên chặt chẽ hơn so với Thái Lan. Đến lượt mình, Thái Lan có tỷ trọng với đồng yên trong rổ tham khảo cao hơn so với Indonexia. Nếu như các yếu tố khác là ngang bằng nhau, nước có thu nhập cao hơn như các nước NIEs Đông Á là những thành viên tương thích hơn đối với việc hình thành liên kết tiền tệ với Nhật Bản.

b. Vai trò của các nước Đông Á khác trong việc hình thành đồng tiền chung trong khu vực

Việc lựa chọn các nước tham gia vào rổ tiền tệ hay khu vực tiền tệ chung Đông Á không chỉ căn cứ vào những tiêu thức của

một đồng tiền quốc tế mà còn dựa trên những tiêu thức xuất phát từ cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế của từng nước như là cơ sở cho sự hình thành đồng tiền chung đó. Theo như thuyết khu vực tiền tệ tối ưu, thì khu vực tiền tệ chung được hình thành theo 3 tiêu thức là: (1) Quy mô, phạm vi của liên kết kinh tế; (2) Sự tương đồng về cơ cấu kinh tế; (3). Sự giống nhau về các mục tiêu chính sách.

Những nước có cơ cấu kinh tế tương đồng nhau có thể phản ứng lại với những cú sốc bên ngoài bằng những chính sách tiền tệ chung, do vậy phí tổn do sự phối hợp giữa các chính sách tiền tệ của từng nước sẽ tương đối nhỏ. Ngược lại, các nước có cơ cấu kinh tế không đồng nhất sẽ phải thực hiện những chính sách tiền tệ khác nhau để đối phó với một cú sốc chung. Ví dụ như Nhật Bản và Hàn Quốc đều là những nước nhập khẩu dầu mỏ nên đều có thể áp dụng chính sách tiền tệ chung và không thể áp dụng một cách tương đồng về chính sách cho Nhật Bản là nước nhập khẩu và Indonexia là nước xuất khẩu dầu lửa.

Các nước Đông Á có cơ cấu và trình độ phát triển tương đối khác biệt nhau nhưng căn cứ vào những tiêu thức của khu vực tiền tệ tối ưu, khu vực tiền tệ chung Đông Á có thể được hình thành trước hết giữa Nhật Bản và các nước NIEs, tiếp đến là Malaysia và Thái Lan khi các nước này đạt đến trình độ cao hơn của sự phát triển kinh tế. Những nước ở giai đoạn đầu của sự phát triển kinh tế như Trung Quốc, Indonexia và Philippin chưa đạt đến những tiêu chuẩn để hình thành khu vực tiền tệ tối ưu với Nhật Bản. Điều này

khẳng định trong những luận điểm khi xem xét tỷ trọng tối ưu của đồng yên trong “rổ tiền tệ” các nước Đông Á.

Lý thuyết khu vực tiền tệ tối ưu đã góp phần vào việc xác định các thành viên có tiềm năng cho liên kết tiền tệ nhưng trên cơ sở đó cũng cần xem xét, phân tích hơn nữa đồng tiền nào được xem như là đồng tiền tham gia vào hình thành đồng tiền chung. Trong khi lựa chọn đồng yên, cũng cần xét đến đồng Nhân dân tệ Trung Quốc như một ứng cử viên trong tương lai đối với việc hình thành đồng tiền chung Đông Á. Tuy nhiên, hệ thống tài chính còn kém phát triển và bị điều tiết một cách chặt chẽ đã không thúc đẩy việc sử dụng đồng Nhân dân tệ như một đồng tiền quốc tế. Trung Quốc cũng cần tính đến kinh nghiệm của các nước Đông Á không thể tự do hoá giao dịch các tài khoản vốn một cách nóng vội. Vì vậy, Trung Quốc thiếu một chỉ hướng nỗ lực sát sao hướng đến khả năng để đẩy mạnh việc đồng Nhân dân tệ trở thành đồng tiền chung Đông Á.

3. Quá trình hình thành đồng tiền chung Đông Á

Cốt lõi của quá trình này là sự hình thành đơn vị tiền tệ cơ bản (currency unit) của đồng tiền chung Đông Á như là hệ thống hoán đổi tiền tệ và thanh toán. Đó lại là động lực để giải quyết những vấn đề kỹ thuật có tính đến những đặc điểm cho sự hình thành đồng tiền chung đó như thiết lập các điểm

can thiệp đối với rổ tiền tệ và việc thực hiện sự hội tụ các chính sách tiền tệ và kinh tế vĩ mô khác.

Từ những phân tích trên các giai đoạn hình thành đồng tiền chung Đông Á có thể là:

+ Giai đoạn 1: Hình thành đơn vị tiền tệ cơ bản của đồng tiền chung Đông Á như là đơn vị tiền tệ kế toán và là thước đo giá trị cho việc thanh toán, trao đổi và đầu tư.

+ Giai đoạn 2: Hình thành và phát triển các thị trường của đồng tiền chung Đông Á.

+ Giai đoạn 3: Liên kết các đồng tiền quốc gia với đồng tiền chung Đông Á.

+ Giai đoạn 4: Tăng cường sự giám sát chính sách tài chính trong khu vực và sự hợp nhất các chính sách và điều kiện kinh tế theo một hướng có tính chỉnh thể.

+ Giai đoạn 5: Soạn thảo chính sách tiền tệ chung Đông Á

+ Giai đoạn 6: Hình thành liên minh tiền tệ Đông Á

Với những nội dung đã trình bày trên có thể nhận thấy là sự ra đời của đồng tiền chung Đông Á không phải là sự rập khuôn máy móc của sự hình thành đồng tiền chung Châu Âu và một vài đồng tiền khu vực khác mà xuất phát từ chính những yếu tố quy định nội tại của các nước này như cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế, mối quan hệ tương tác giữa các nước như một chỉnh thể thống nhất gắn liền với vai trò của những nước có trình độ phát triển kinh tế cao hơn đối với các nước khác trong khu vực, sự tác động mạnh

mẽ, của các yếu tố khách quan khác như toàn cầu hoá, khu vực hoá với một trật tự quan hệ quốc tế mới. Chính những yếu tố khách quan trên đã quy định không chỉ những đặc trưng chung mà cả những đặc thù vốn có những như qua trình hình thành của đồng tiền chung này.

Việc hình thành đồng tiền chung Đông Á theo phương thức “rủ tiền tệ” với tỷ trọng lớn thuộc về đồng yên và một số đồng tiền chủ yếu khác đã đặt ra mối quan hệ tài chính và mâu dịch một cách chặt chẽ hơn hay nói cách khác sự phụ thuộc lẫn nhau lớn hơn giữa các nước trong khu vực. Trong đó, sự phục hồi của các nền kinh tế đầu tàu như Nhật Bản lần này không chỉ có ý nghĩa sống còn đối với chính các nước này mà đó mà cả đối với các nước khác trong khu vực. Sự phục hồi đó đòi hỏi cuộc cải cách kinh tế, đặc biệt những cải cách trong lĩnh vực tài chính tiền tệ phải được thực hiện một cách cương quyết và triệt để nhằm tạo nên không chỉ sự phục hồi kinh tế Nhật Bản cũng như các nước khác trong khu vực mà còn là tiền đề cho sự tham gia của các đồng tiền chủ yếu đối với sự hình thành đồng tiền chung Đông Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Roberto F. De Ocampo, President, Asian Institute of Management “A single

currency for asia: Is it time?”, Given at the ADB Seminar: “A Single Currency for East Asia – Lessons from Europe”, 37th ADB Annual Meeting, May 14, 2004, Jeju Island, Korea.

2) Sebastian Edwards Igal Magendzo: “A *currency of one’s own? An empirical investigation on dollarization and independent currency unions*”, Working Paper 9514, National Bureau of Economic Research, 1050 Massachusetts Avenue, Cambridge, MA 02138, February 2003.

3) Haruhiko Kuroda, Vice Minister of Finance for International Affairs Ministry of Finance Japan: “*East Asian Financial co-operation: Vision and reality*”, IPS public lecture, 28 June 2004.

4) Baek. S-G and C-Y Song: “*Is currency union a feasible option in East Asia?*”, in H-G Choo and Y Wang (eds), *Currency union in East Asia*, Korea Institute for International Economic Policy, 2005.

5) Choi, C: “*The benefits and costs of an east Asian currency union*”, in H-G Choo and Y Wang (eds), *Currency union in East Asia*, Korea Institute for International Economic Policy, 2004.

6) Tenreiro. S and R. Barro: “*Economic effects of currency unions*”, NBER working paper, No 9435, January.